

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

**Triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự thi Vòng 1,
kỳ tuyển dụng viên chức năm 2026**

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định 862/QĐ-BNV ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông báo số 794/TB-TĐHTPHCM 30 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyển dụng viên chức năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 1007/TB-HĐTD ngày 14 tháng 09 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng về kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức năm 2026;

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thông báo triệu tập thí sinh tham dự thi Vòng 1 cụ thể như sau:

I. DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ THI VÒNG 1

Triệu tập 354 thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự thi Vòng 1 theo Thông báo số 1007/TB-HĐTD ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026; danh sách chi tiết tại **Phụ lục** kèm theo Thông báo này.

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI VÒNG 1

1. Ngày thi chính thức: ngày 10 và 11 tháng 10 năm 2026.
2. Địa điểm thi: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh (Số 236B Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh).



3. Lịch thi như sau:

- Ngày 10/10/2026: - Khai mạc kỳ thi: 08h00 - 09h00

- Ca thi 1: 09h00 - 10h30 (Kiến thức chung & Tiếng Anh)

- Ca thi 2: 13h30 - 15h00 (Kiến thức chung & Tiếng Anh)

- Ngày 11/10/2026: Ca thi 3: 08h30 - 10h00 (Kiến thức chung & Tiếng Anh).

Chi tiết danh sách thí sinh, số báo danh và phòng thi theo ca thi sẽ được Hội đồng tuyển dụng thông báo sau.

III. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI VÒNG 1

1. **Hình thức thi:** Thi trắc nghiệm 100% trên máy vi tính.

2. **Cấu trúc bài thi Vòng 1** bao gồm 02 phần kiểm tra kiến thức độc lập:

a) Phần I: Kiểm tra Kiến thức chung

- Nội dung: 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về lĩnh vực giáo dục đại học và các nội dung về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Thang điểm: 60 câu (mỗi câu trả lời đúng được 01 điểm).

b) Phần II: Kiểm tra Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Nội dung: 30 câu hỏi trắc nghiệm đánh giá trình độ tiếng Anh (ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc câu và đọc hiểu văn bản cơ bản) theo yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng.

- Thời gian làm bài: 30 phút.

- Thang điểm: 30 câu (mỗi câu trả lời đúng được 01 điểm).

Miễn thi phần ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ tương đương hoặc cao hơn bằng tốt nghiệp theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Có bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận);

- Có bằng tốt nghiệp mà chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo đó đạt tương đương hoặc cao hơn yêu cầu vị trí việc làm (minh chứng được ghi trong bằng/phụ lục văn bằng).

Lưu ý: Việc xác định thí sinh được miễn thi Ngoại ngữ căn cứ vào văn bằng, giấy tờ trong hồ sơ đăng ký dự tuyển và quy định về điều kiện miễn thi. Hội đồng tuyển dụng sẽ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ khi hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Trường hợp thí sinh không đủ điều kiện miễn thi Tiếng Anh theo quy định thì không được xác định trúng tuyển.

3. Điều kiện đạt Vòng 1:

Thí sinh trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi (đạt tối thiểu 30/60 câu Kiến thức chung và 15/30 câu Tiếng Anh) thì đủ điều kiện tiếp tục tham dự Vòng 2 (Thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành). Không thực hiện việc chấm phúc khảo đối với bài thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

IV. QUY ĐỊNH VÀ NỘI QUY BẮT BUỘC ĐỐI VỚI THÍ SINH

1. Giấy tờ tùy thân bắt buộc: Thí sinh phải xuất trình Thẻ Căn cước công dân hoặc Thẻ Căn cước còn hiệu lực (hoặc Hộ chiếu hợp pháp có ảnh) cho giám thị phòng thi trước khi vào phòng thi.

2. Thời gian có mặt: Thí sinh phải có mặt tại địa điểm thi đúng giờ quy định của Ca thi. Thí sinh đến muộn quá 10 phút đối với môn Kiến thức chung hoặc quá 05 phút đối với môn Ngoại ngữ sau khi bắt đầu tính giờ làm bài thi sẽ không được phép vào phòng thi.

3. Vật dụng được phép mang vào phòng thi: Giấy tờ tùy thân theo quy định, bút viết để điền thông tin, kí xác nhận nộp bài.

4. Nghiêm cấm mang vào phòng thi: điện thoại di động (kể cả khi đã tắt nguồn), máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các thiết bị thu, phát, truyền tin, thiết bị sao lưu dữ liệu. Trường hợp thí sinh mang các thiết bị trên vào phòng thi, dù chưa sử dụng vẫn bị xử lý theo nội quy, quy định.

5. Trang phục và tác phong: Trang phục lịch sự, văn minh, chấp hành nghiêm túc sự hướng dẫn của Giám thị phòng thi và Kỹ thuật viên máy vi tính.

V. PHÍ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC

1. Thí sinh có tên trong danh sách đủ điều kiện tham dự thi Vòng 1 thực hiện nộp phí dự tuyển theo mức thu quy định hiện hành: **400.000** đồng/thí sinh.

2. Hình thức nộp phí:

- Nộp trực tiếp: Tại Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chuyển khoản: Người đủ điều kiện dự tuyển chuyển khoản vào tài khoản của Trường theo thông tin sau:

Tên tài khoản: **Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh**

Số tài khoản: **1070555833** Tại: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Nội dung chuyển khoản: **PHI DU TUYEN VIEN CHUC 2026 - HO VA TEN**



- Thời hạn nộp lệ phí: **Từ ngày thông báo đến hết 17 giờ 30 ngày 25 tháng 9 năm 2026**. Người đăng ký dự tuyển có trách nhiệm nộp phí đúng thời hạn, lưu giữ chứng từ giao dịch để đối chiếu khi cần thiết. Các trường hợp không nộp phí hoặc không đúng thời gian quy định được xác định không tham gia thi tuyển.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông báo triệu tập này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Trường tại www.hcmunre.edu.vn để thí sinh biết và thực hiện.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện việc thu, quản lý và sử dụng phí dự tuyển theo quy định hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần hỗ trợ, thí sinh liên hệ Thường trực Hội đồng tuyển dụng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng A109) trong giờ hành chính để được hướng dẫn, giải đáp.

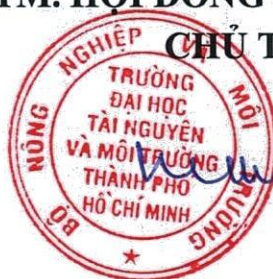
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám sát kỳ tuyển dụng (để giám sát);
- Các thành viên HĐTD (để thực hiện);
- Thí sinh đủ điều kiện dự thi (để thực hiện);
- Phòng KHTC (để thực hiện);
- Trung tâm DLTT&TV (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCHC, HĐTD.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

CHỦ TỊCH



Huỳnh Quyền

DANH SÁCH NGƯỜI ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN ĐỒ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 1017/TB-HĐD ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	Trần Văn Định	27/07/1977		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
2	Hà Châu Hoàng	19/09/1996		Thạc sĩ Quản trị hệ thống thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
3	Võ Đình Huy	12/1/1984		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
4	Phạm Trọng Huỳnh	02/7/1986		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
5	Đinh Thị Hồng Loan		05/5/1984	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		Ưu tiên theo điểm a khoản 3 Điều 14 Luật Nhà giáo 2025 (+5 điểm).
6	Bùi Hồng Mỹ	22/02/1982		Thạc sĩ Khoa học máy tính	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
7	Nguyễn Phương Nam	12/1/1982		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		Con thương binh (+5 điểm)
8	Lê Minh Quang	07/3/1985		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
9	Nguyễn Ngọc Thạch	25/02/1996		Thạc sĩ Khoa học máy tính	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
10	Lê Tuấn Thu	21/05/1970		Thạc sĩ Khoa học máy tính	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
11	Nguyễn Duy Tuấn	30/03/1997		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
12	Nguyễn Tâm Thanh Tùng	29/03/1984		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
13	Nguyễn Thanh Truyền	22/08/1987		Thạc sĩ Khoa học máy tính	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)		
14	Đỗ Minh Gia An	06/01/1999		Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính học	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
15	Trần Minh Anh		30/05/2003	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
16	Nguyễn Thế Anh	28/08/1994		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đang là Nghiên cứu sinh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
17	Nguyễn Tuấn Anh	14/04/1996		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
18	Trần Tuấn Anh	20/02/2002		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
19	Dương Thị Vân Anh		24/11/1988	Thạc sĩ Kế toán	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
20	Nguyễn Thành Công	20/04/1989		Thạc sĩ Kinh tế học, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
21	Nguyễn Văn Diệp	17/01/1977		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		Con thương binh (+5 điểm)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
22	Đặng Tiến Dũng	12/02/1988		Thạc sĩ Tài chính định lượng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
23	Nguyễn Ngọc Dung	02/10/1991		Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
24	Phạm Thùy Dương		23/08/1991	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở (+1,5 điểm)
25	Văn Minh Đại	30/11/1990		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
26	Nguyễn Thành Đông	20/08/1989		Thạc sĩ Tài chính ngân hàng, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
27	Lượng Văn Êm	24/06/1987		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
28	Hà Ngân Giang		10/01/1996	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
29	Cao Thị Giang		25/05/1987	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
30	Cao Xuân Giang	25/12/1989		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
31	Tô Văn Giáp	08/6/1985		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
32	Phan Thị Ngọc Hà		18/09/1989	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
33	Nguyễn Sơn Hà	19/01/1996		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
34	Đỗ Thị Hồng Hạnh		07/11/1990	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
35	Đỗ Thúy Hằng		05/6/1999	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
36	Võ Thúy Hằng		16/03/1999	Thạc sĩ Kinh doanh thương mại	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
37	Huỳnh Thị Thu Hiền		31/03/1990	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
38	Nguyễn Minh Hiếu	13/06/1990		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
39	Nguyễn Đình Minh Hiếu	28/10/1993		Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
40	Phạm Thị Hoàng		11/1/1984	Thạc sĩ Kế toán	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
41	Nguyễn Huỳnh Thúy Hoàng		28/11/2000	Thạc sĩ Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
42	Lê Quang Huê	10/4/1994		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
43	Đỗ Ngọc Hùng	06/10/1980		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
44	Đinh Thị Hương		18/01/1984	Thạc sĩ Kinh tế	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
45	Nguyễn Đăng Khoa	13/07/1991		Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
46	Trần Anh Kiệt	26/02/2002		Thạc sĩ Phân tích kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
47	Huỳnh Thanh Lan		29/04/1996	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
48	Lê Đức Liêm	17/03/1973		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
49	Huỳnh Thị Mỹ Linh		17/11/1992	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
50	Trần Đào Phương Linh		16/02/1990	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
51	Vũ Ngọc Khánh Linh		04/3/1999	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
52	Huỳnh Thị Thu Loan		15/03/1990	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
53	Nguyễn Hồng Loan		24/03/1988	Thạc sĩ Kinh tế	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
54	Đinh Tiến Lợi	30/05/1983		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài. Con thương binh (+5 điểm)
55	Phan Thị Kim Mai		17/01/1991	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
56	Trịnh Thị Tuyết Mai		25/07/1993	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
57	Tạ Hoàng Minh	08/8/1992		Thạc sĩ Tài chính	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
58	Trần Hoàng Minh	31/08/1993		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
59	Nguyễn Hoàng Minh	21/05/1992		Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
60	Võ Thị Hồng Minh		20/01/1985	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
61	Hồ Thảo My		20/08/1987	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
62	Trần Phạm Huỳnh Nga		20/09/1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
63	Trần Minh Ngọc	02/11/1993		Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
64	Nguyễn Thúy Ngọc		22/11/1996	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
65	Nguyễn Thị Thu Nguyệt		15/11/1984	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
66	Vũ Thị Kim Oanh		19/11/1976	Thạc sĩ Quản lý tài chính công	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
67	Nguyễn Hồng Phong	16/04/1995		Thạc sĩ Kinh tế học	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
68	Ngô Hoàng Phúc	04/6/2000		Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
69	Lê Hồng Phúc	21/09/1990		Thạc sĩ Kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
70	Trần Phúc	31/10/1995		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
71	Phạm Thành Phước	02/1/1986		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
72	Nguyễn Minh Quân	29/02/1992		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
73	Lê Quang Sáng	09/2/1982		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
74	Nguyễn Giác Sanh	30/01/1989		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
75	Nguyễn Hoàng Thái	31/01/1999		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
76	Phạm Thị Linh Thanh		02/5/1991	Thạc sĩ Kinh doanh thương mại, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
77	Lê Văn Thành	02/7/1995		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
78	Nguyễn Minh Thiện	23/03/1985		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
79	Lê Phước Thiện	20/01/1995		Thạc sĩ Quản lý kinh tế, nghiên cứu sinh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
80	Hoàng Sĩ Thính	25/02/1982		Tiến sĩ Kinh tế nguồn lực	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
81	Bùi Anh Thư		22/03/1995	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
82	Phan Trọng Thức	03/1/1989		Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
83	Vũ Thị Thương		16/09/1993	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
84	Trịnh Thị Ngọc Thúy		26/04/1974	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
85	Võ Thị Thanh Thúy		23/01/1994	Thạc sĩ Kế toán	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
86	Nguyễn Băng Trinh	09/9/1992		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
87	Nguyễn Thị Hoài Trinh		26/06/1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
88	Nguyễn Minh Trịnh	17/02/1989		Thạc sĩ Kinh tế phát triển, nghiên cứu sinh Tiến sĩ	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
89	Lê Thành Trung	27/12/1985		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
90	Trần Phương Tuấn	01/6/1989		Thạc sĩ Kinh tế Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
91	Dương Thị Bích Vân		20/06/1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
92	Nguyễn Thị Hồng Vân		28/03/1992	Thạc sĩ Kinh tế phát triển	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	X	Bằng tốt nghiệp học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
93	Hồ Thị Khánh Viên		16/02/1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
94	Trần Quang Vinh	04/4/1992		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
95	Nguyễn Tuấn Việt	19/04/1989		Thạc sĩ Kinh tế học	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
96	Huỳnh Thị Kim Xuân		23/10/1995	Thạc sĩ Kế toán	Giảng viên (Khoa Kinh tế)		
97	Nguyễn Văn Anh		23/10/1994	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
98	Nguyễn Thị Kiều Diễm		22/12/1988	Thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
99	Ngô Minh Hường	11/8/1989		Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
100	Võ Quốc Khánh	02/5/1971		Tiến sĩ Nông nghiệp	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
101	Trần Trang Yến Loan		23/03/1995	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
102	Nguyễn Thị Bích Ngọc		24/01/1980	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
103	Trần Thị Cẩm Nhung		08/8/1993	Tiến sĩ Nông nghiệp	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
104	Trần Phước Quý	12/8/1995		Thạc sĩ Nông nghiệp	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
105	Lê Trọng Hữu Thông	25/06/1990		Thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
106	Cao Thị Bích Trâm		02/5/1990	Thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
107	Huỳnh Thị Ngọc Trân		25/07/2001	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
108	Phan Thanh Tùng		10/10/1999	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
109	Bùi Đoàn Thảo Uyên		12/9/1999	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
110	Phạm Quang Viên	14/05/1980		Thạc sĩ Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)		
111	Lê Phượng Giang		19/02/1979	Tiến sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng viên (Khoa Môi trường)		Ưu tiên theo điểm a khoản 3 Điều 14 Luật Nhà giáo 2025 (+5 điểm).
112	Ngô Đình Ngọc Giao	01/11/1984		Tiến sĩ Kỹ thuật môi trường	Giảng viên (Khoa Môi trường)		
113	Đinh Thị Thu Hà		09/9/1983	Tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng và môi trường	Giảng viên (Khoa Môi trường)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
114	Nguyễn Thị Mạnh		10/11/1992	Tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng	Giảng viên (Khoa Môi trường)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
115	Trịnh Trọng Nguyễn	27/8/1994		Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường, nghiên cứu sinh Tiến sĩ Khoa học môi trường	Giảng viên (Khoa Môi trường)		
116	Nguyễn Thanh Ngân	18/4/1987		Tiến sĩ Môi trường đất và nước	Giảng viên (Khoa Môi trường)		
117	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh		24/02/1995	Tiến sĩ Kỹ thuật và quản lý môi trường	Giảng viên (Khoa Môi trường)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
118	Đỗ Đức Thiện	16/7/1987		Tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng dân dụng	Giảng viên (Khoa Môi trường)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
119	Nguyễn Hữu Bảo	15/11/1987		Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp. Nghiên cứu sinh Kỹ thuật xây dựng	Giảng viên (Khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình)		
120	Lê Nguyễn Ngọc Hải	11/3/1984		Thạc sĩ Quản lý đô thị và công trình. Nghiên cứu sinh Quản lý xây dựng	Giảng viên (Khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình)		
121	Nguyễn Trọng Nhân	18/05/1995		Thạc sĩ Trắc địa, viễn thám. Nghiên cứu sinh Quản lý đất đai	Giảng viên (Khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
122	Trần Lê Thế Điển	02/2/1982		Tiến sĩ Địa chất công trình	Giảng viên (Khoa Địa chất và Khoáng sản)		
123	Nguyễn Thị Thanh Hoa		15/01/1983	Tiến sĩ Kỹ thuật tài nguyên nước	Giảng viên (Khoa Địa chất và Khoáng sản)		
124	Hồ Chí Thông	09/12/1979		Tiến sĩ Địa chất công trình	Giảng viên (Khoa Địa chất và Khoáng sản)		
125	Đinh Thị Linh		07/1/1994	Tiến sĩ Kỹ thuật Thủy lực	Giảng viên (Khoa Khí tượng, Thủy văn và Tài nguyên nước)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
126	Nguyễn Lương Tuấn Dũng	14/08/1985		Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh, Nghiên cứu sinh Lý luận và phương pháp dạy học	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	X	Bằng thạc sĩ Tiếng Anh. Bộ đội phục viên (+5 điểm)
127	Phùng Minh Đức	24/09/1982		Thạc sĩ Đại số và lý thuyết số. Nghiên cứu sinh Toán	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)		
128	Trần Duy Hải		02/5/1987	Tiến sĩ Kỹ thuật hóa học	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)		
129	Nguyễn Thu Khuyến		17/07/1999	Tiến sĩ Hóa học	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
130	Nguyễn Ngọc Phi	6/2/1996		Tiến sĩ Khoa học và kỹ thuật vật liệu	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
131	Nguyễn Hoàng Bảo Trân		19/12/1997	Tiến sĩ Khoa học hóa học	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
132	Lê Anh Tuấn	20/09/1994		Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán. Nghiên cứu sinh Toán	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)		
133	Nguyễn Thị Quỳnh An		25/11/1994	Thạc sĩ Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
134	Nguyễn Thu Đào		29/01/1975	Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
135	Huỳnh Văn Đoàn	03/11/2003		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
136	Nguyễn Thị Thúy Huyền		27/9/2002	Cử nhân Quản trị nhân lực	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
137	Nguyễn Duy Khanh	28/10/1998		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
138	Ngô Quang Lâu	11/9/2003		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
139	Phan Thành Phước	09/5/1989		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
140	Hồ Bảo Quân	10/7/1989		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
141	Dương Nguyễn Hoàng Quân	09/4/1996		Cử nhân Quản trị nhân lực	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
142	Phạm Ngọc Quân	29/01/1994		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
143	Nguyễn Thị Thanh Sơn		02/9/1980	Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
144	Trần Quốc Thái	02/3/2003		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
145	Nguyễn Thụy Minh Thư		12/2/2004	Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
146	Huỳnh Trọng Tín	10/11/2004		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
147	Phan Văn Tình	01/4/2001		Cử nhân Quản trị nhân lực	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
148	Ao Lê Kim Trân		26/5/2003	Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
149	Bùi Vũ Anh Trung	30/8/1999		Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh
150	Lê Thanh Tuyền		19/11/1994	Thạc sĩ Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
151	Ngô Thị Kim Vinh		24/7/2003	Cử nhân Luật	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng		
152	Ngô Hoàng Anh		11/4/2002	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
153	Nguyễn Thị Phương Anh		28/02/2003	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
154	Hà Vũ Ngọc Bích		10/1/2003	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
155	Phạm Hữu Cảnh	01/10/2003		Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
156	Nguyễn Ngọc Diễm		23/08/2003	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
157	Nguyễn Thị Kim Dung		30/9/1984	Cử nhân Hành chính công	Hành chính - Tổng hợp		
158	Đặng Phạm Mỹ Dung		21/01/2001	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
159	Ngô Đắc Ngân Hà		01/4/1988	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
160	Phan Võ Thu Hiền		04/6/2002	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
161	Lương Võ Hoàng Hiệp	24/7/1999		Cử nhân Quản lý nhà nước	Hành chính - Tổng hợp	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
162	Phan Ngọc Trúc Lam		27/10/2003	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
163	An Phương Linh		15/5/2004	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
164	Lý Nhật Minh	21/5/1985		Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính học	Hành chính - Tổng hợp		
165	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		06/1/1985	Cử nhân Hành chính	Hành chính - Tổng hợp		
166	Đào Ngọc Khánh Ngân		10/3/2004	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
167	Huỳnh Phong Phú	01/9/1987		Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
168	Nguyễn Minh Phương		27/9/2003	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
169	Phạm Thị Như Phương		10/3/1999	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
170	Trần Thị Yến Phượng		17/3/1995	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
171	Huỳnh Thanh Tâm	31/01/1996		Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh
172	Nguyễn Công Tín	24/8/1992		Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
173	Trần Thị Minh Trang		24/10/2002	Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
174	Trần Ngọc Đức Trọng	06/9/1999		Cử nhân Luật	Hành chính - Tổng hợp		
175	Đào Tấn Anh	28/8/2001		Cử nhân Luật	Pháp chế		
176	Lê Nguyễn Văn Anh		15/7/2001	Cử nhân Luật, Thạc sĩ Luật	Pháp chế		
177	Huỳnh Ngọc Bích		27/11/1991	Cử nhân Luật, Thạc sĩ Luật	Pháp chế	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh
178	Nguyễn Phan Khánh Châu		13/4/2002	Cử nhân Luật	Pháp chế		
179	Huỳnh Anh Duy	25/12/1984		Cử nhân Luật	Pháp chế	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh. Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND (+2,5 điểm)
180	Mai Trần Nhật Duy	23/4/2004		Cử nhân Luật	Pháp chế		
181	Nguyễn Thị Thùy Dương		10/7/2004	Cử nhân Luật	Pháp chế		
182	Nguyễn Đỗ Tùng Dương	6/1/1992		Cử nhân Luật	Pháp chế		Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị (+5 điểm)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
183	Lê Thị Hồng Gấm		13/12/2000	Cử nhân Luật	Pháp chế		
184	Nguyễn Hương Giang		07/3/2000	Cử nhân Luật	Pháp chế		
185	Nguyễn Quỳnh Hương Giang		23/9/2003	Cử nhân Luật	Pháp chế		
186	Nguyễn Thị Hằng		08/7/2004	Cử nhân Luật	Pháp chế		
187	Hồ Thị Thu Hiền		01/11/2003	Cử nhân Luật	Pháp chế		
188	Nguyễn Võ Thanh Huyền		16/3/1996	Cử nhân Luật	Pháp chế		
189	Huỳnh Hương		22/01/2002	Cử nhân Luật	Pháp chế		
190	Nguyễn Thị Thu Hương		26/9/1992	Cử nhân Luật	Pháp chế		
191	Nguyễn Minh Khanh		01/2/2001	Cử nhân Luật	Pháp chế		
192	Vũ Bảo Khánh		18/02/2002	Cử nhân Luật	Pháp chế		
193	Phạm Nhật Khang	27/9/2004		Cử nhân Luật	Pháp chế		
194	Lâm Phùng Minh Khoa	19/6/2001		Cử nhân Luật	Pháp chế		
195	Huỳnh Trần Kiên	23/3/2003		Cử nhân Luật	Pháp chế		
196	Đỗ Hoàng Kim		17/11/2004	Cử nhân Luật	Pháp chế		
197	Phạm Thị Hữu Loan		13/02/2001	Cử nhân Luật	Pháp chế		
198	Vũ Quang Long	20/8/1986		Thạc sĩ Luật	Pháp chế		
199	Nguyễn Hiếu Lợi		11/1/2002	Cử nhân Luật	Pháp chế		
200	Nguyễn Phạm Nhật Minh		16/9/2004	Cử nhân Luật	Pháp chế		
201	Nguyễn Bảo Ngọc		01/9/2003	Cử nhân Luật	Pháp chế		
202	Nguyễn Nguyễn Minh Ngọc		16/4/2002	Cử nhân Luật	Pháp chế		
203	Nhiều Xuân Oanh		19/3/2004	Cử nhân Luật	Pháp chế		
204	Nguyễn Hoàng Phúc	24/11/1992		Cử nhân Luật	Pháp chế		
205	Nguyễn Văn Phương	13/01/2000		Cử nhân Luật	Pháp chế		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
206	Lê Ngọc Phượng		26/10/2001	Cử nhân Luật	Pháp chế		
207	Nguyễn Thị Như Quỳnh		12/4/1999	Cử nhân Luật, Thạc sĩ Luật	Pháp chế		
208	Lê Văn Sơn	17/3/2003		Cử nhân Luật	Pháp chế		
209	Nguyễn Xuân Tháo		27/02/2000	Cử nhân Luật	Pháp chế		
210	Hoàng Minh Thư		25/01/2000	Cử nhân Luật	Pháp chế		Người dân tộc thiểu số
211	Phạm Thị Ngọc Trâm		07/4/1997	Cử nhân Luật	Pháp chế		
212	Nguyễn Thị Kim Tuyền		25/3/2002	Cử nhân Luật	Pháp chế		
213	Phạm Thị Vương Hải Vân		19/7/1986	Cử nhân Luật	Pháp chế		
214	Thái Mỹ Vân		10/8/2004	Cử nhân Luật	Pháp chế		
215	Nguyễn Thị Kim Y		17/6/2000	Cử nhân Luật	Pháp chế		
216	Châu Thị Như Ý		02/8/2003	Cử nhân Luật	Pháp chế		Người dân tộc thiểu số
217	Trần Quang Anh	02/11/1991		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
218	Nguyễn Hữu Thiên Châu		25/01/1992	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Quản lý đào tạo		
219	Đoàn Văn Doanh	01/12/1980		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Quản lý đào tạo		
220	Nguyễn Đại Dương	25/12/1991		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
221	Nguyễn Việt Đức	28/04/1995		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
222	Đỗ Tấn Hải	17/09/1999		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh
223	Nguyễn Thị Mai Hằng		07/7/1989	Cử nhân Văn hóa học, Cử nhân Quan hệ quốc tế	Quản lý đào tạo		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
224	Tăng Thị Thanh Hằng		22/10/1991	Cử nhân Tài chính ngân hàng	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
225	Nguyễn Văn Hi	20/02/2002		Cử nhân Quản lý giáo dục	Quản lý đào tạo		
226	Nguyễn Xuân Kim Hoàng	03/9/1981		Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
227	Hoàng Thị Huệ		20/07/1978	Thạc sĩ Hóa hữu cơ	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
228	Phan Quốc Hưng	20/08/1989		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Quản lý đào tạo		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
229	Đặng Tuấn Kiệt	29/08/1999		Thạc sỹ Luật	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
230	Đặng Hoàng Cẩm My		11/6/2000	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Quản lý đào tạo		
231	Hoàng Văn Nam	25/10/1991		Cử nhân Hệ thống thông tin	Quản lý đào tạo		
232	Nguyễn Hồng Như		28/08/2003	Cử nhân Quản lý giáo dục	Quản lý đào tạo		
233	Lê Thị Quỳnh Như		29/11/1994	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Quản lý đào tạo		
234	Phan Huỳnh Như Ngọc		28/07/1996	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Quản lý đào tạo		
235	Vũ Trần Mai Oanh		05/10/1990	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
236	Trương Thị Pha		01/8/1990	Thạc sĩ Việt Nam học	Quản lý đào tạo		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
237	Nguyễn Thị Hồng Phần		26/03/2004	Cử nhân Quản lý giáo dục	Quản lý đào tạo		
238	Nguyễn Văn Phúc	30/04/1990		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Quản lý đào tạo		
239	Lương Việt Quân	07/4/1983		Cử nhân Công nghệ thông tin	Quản lý đào tạo		
240	Dương Thanh Bảo Quyên		20/03/1989	Cử nhân Công nghệ thông tin	Quản lý đào tạo		
241	Nguyễn Trúc Quỳnh		03/10/1994	Cử nhân Ngữ văn Anh	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
242	Lê Thị Quế Thanh		13/09/1994	Kỹ sư Quản lý môi trường	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
243	Phạm Nguyễn Phúc Toàn	08/1/2000		Cử nhân khoa học máy tính, Thạc sĩ Khoa học dữ liệu	Quản lý đào tạo		
244	Trần Thanh Thu Trinh		12/9/2001	Cử nhân Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Quản lý đào tạo	X	Bằng ĐH Anh văn. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
245	Bùi Anh Võ Thụy Dung		25/12/1982	Thạc sĩ Kinh tế tài chính, ngân hàng	Thống kê	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh
246	Hồ Hải Đăng	20/5/1997		Cử nhân Tài chính doanh nghiệp	Thống kê		
247	Phạm Minh Đức	17/4/1998		Cử nhân Quản trị kinh doanh	Thống kê		
248	Lưu Thị Phương Loan		10/10/1991	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Thống kê	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh
249	Trần Thị Thanh Loan		20/6/1979	Cử nhân Ngữ văn Anh	Thống kê	X	Bằng ĐH Ngữ văn Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
250	Trần Quang Minh	28/8/1992		Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
251	Bùi Lê Thị Mỹ Nhân		05/2/1995	Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
252	Hoàng Xuân Phúc	14/10/1998		Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
253	Nguyễn Nhật Thanh	16/12/1990		Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
254	Hà Huỳnh Thiên Thanh		22/9/2000	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
255	Lê Nguyên Phương Thảo		08/1/1994	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
256	Ung Thị Xuân Thùy		21/12/2004	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
257	Nguyễn Thành Tính	15/02/2002		Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
258	Bùi Thị Thanh Trúc		09/11/1994	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
259	Trần Thị Ngọc Tuyền		15/12/1988	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	Thống kê		
260	Nguyễn Thanh Vinh	12/9/2002		Cử nhân Quản trị kinh doanh	Thống kê		Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị (+5 điểm)
261	Trần Thúy Lan Anh		21/7/1984	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
262	Trần Hoài Bảo	20/10/1992		Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
263	Nguyễn Thị Thùy Châu		05/10/1994	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
264	Đặng Ngọc Kiều Diễm		03/2/2000	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
265	Lê Thị Hằng		25/01/1981	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh
266	Nguyễn Thị Trúc Hậu		12/01/1995	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
267	Trương Thanh Thanh		23/3/1988	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
268	Phạm Thị Lệ Thương		02/4/1976	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
269	Huỳnh Thị Diễm Thúy		22/02/2000	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)		
270	Văn Mỹ Tiên		06/5/1992	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Trung tâm Nghiên cứu đổi mới sáng tạo)		
271	Hồ Thị Mỹ Linh		21/4/1994	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học, Dịch vụ nông nghiệp và môi trường)		
272	Cao Thị Lương		13/9/1996	Cử nhân Kế toán	Kế toán (Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học, Dịch vụ nông nghiệp và môi trường)		
273	Trần Thị Kim Liên		24/9/1982	Cử nhân Kế toán	Thủ quỹ		
274	Nguyễn Thị Hiền Minh		31/01/1991	Cử nhân Kế toán	Thủ quỹ		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
275	Hồ Ngọc Băng Trinh		23/8/1998	Cử nhân Kế toán	Thủ quỹ		
276	Nguyễn Văn Lực	20/4/1979		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Quản lý chất lượng giáo dục	X	Bằng ĐH Tiếng Anh
277	Lê Ngọc Thanh Ngân		31/7/2001	Kỹ sư Hệ thống thông tin	Quản lý chất lượng giáo dục	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
278	Lê Thị Minh Trang		03/7/2000	Cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý chất lượng giáo dục	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
279	Châu Lệ Vy		15/5/2002	Cử nhân Quản lý giáo dục	Quản lý chất lượng giáo dục		
280	Phan Đình Đông	02/9/1987		Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường	Thiết bị, thí nghiệm	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
281	Hoàng Văn Hiếu	28/9/1991		Kỹ sư Kỹ thuật môi trường	Thiết bị, thí nghiệm		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí. Con thương binh (+ 5 điểm)
282	Nguyễn Khánh Hưng	14/10/1997		Kỹ sư Cơ điện tử	Thiết bị, thí nghiệm		
283	Nguyễn Tấn Vĩnh Nam	04/11/1976		Thạc sĩ Thiết kế đô thị, Kiến trúc	Thiết bị, thí nghiệm	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
284	Hồ Như Thanh	20/9/1999		Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Thiết bị, thí nghiệm		
285	Hà Vũ Ngọc Châu		17/8/1993	Cử nhân Luật	Quản lý khoa học và công nghệ		
286	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên		22/3/2003	Cử nhân Luật	Quản lý khoa học và công nghệ		
287	Mai Thu Huyền		15/9/2002	Cử nhân Luật	Quản lý khoa học và công nghệ		
288	Nguyễn Đỗ Xuân Nhi		17/01/2003	Cử nhân Luật	Quản lý khoa học và công nghệ		
289	Châu Minh Thu		16/6/2003	Cử nhân Luật	Quản lý khoa học và công nghệ		
290	Nguyễn Tiến Trung	22/4/2001		Kỹ sư Kỹ thuật trắc địa, bản đồ	Quản lý khoa học và công nghệ		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
291	Lê Thị Hồng Vân		27/02/2000	Cử nhân Quản lý đất đai	Quản lý khoa học và công nghệ		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
292	Nguyễn Thị Ngọc Anh		14/9/1987	Cử nhân Tiếng Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
293	Vũ Thị Chơn		15/11/2004	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
294	Huỳnh Ngọc Dũng	18/5/1981		Thạc sĩ Hành chính công	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
295	Trần Thị Anh Đào		14/11/1999	Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Thạc sĩ Digital Marketing	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
296	Nguyễn Trần Chí Đạt	06/4/2004		Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
297	Tạ Hồng Huy	26/12/1993		Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
298	Nguyễn Thị Thùy Linh		30/01/1998	Cử nhân Công nghệ sinh học	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
299	Vũ Đức Mạnh	6/12/1997		Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
300	Lại Huỳnh Thế Nam	15/9/2004		Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
301	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		31/7/1996	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
302	Mai Thị Kim Nhung		03/3/1992	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
303	Tô Thanh Thanh		30/01/1997	Cử nhân Tiếng Anh thương mại, Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
304	Lê Xuân Thảo		21/3/2000	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
305	Nguyễn Thị Anh Thư		19/9/2000	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
306	Lê Hữu Thực	28/10/1980		Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
307	Bùi Thị Bảo Tuyên		16/01/2001	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
308	Nguyễn Thị Bạch Tuyết		12/12/1982	Thạc sĩ Khoa học Môi trường	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	Bằng tốt nghiệp học ở nước ngoài
309	Huỳnh Nguyễn Cát Tường		03/2/2001	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
310	Nguyễn Thảo Vy		27/8/2004	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Hợp tác, hội nhập quốc tế	X	
311	Lê Thị Hoàng Anh		05/3/1995	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Quản lý học sinh, sinh viên		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
312	Phạm Hùng Cường	19/12/2000		Cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý học sinh, sinh viên		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
313	Nguyễn Thành Giang	24/4/2004		Cử nhân Công nghệ thông tin	Quản lý học sinh, sinh viên		
314	Nguyễn Trường Giang	01/12/1996		Cử nhân Quản lý giáo dục	Quản lý học sinh, sinh viên		
315	Nguyễn Trung Hiếu	15/10/2001		Cử nhân Quản lý thông tin	Quản lý học sinh, sinh viên		
316	Trần Thị Mai Hương		19/8/1996	Thạc sĩ Khí tượng và khí hậu học	Quản lý học sinh, sinh viên		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
317	Hoàng Phạm Minh Quý		01/1/1997	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Quản lý học sinh, sinh viên		
318	Trần Duy Thịnh	15/12/2000		Cử nhân Công nghệ thông tin	Quản lý học sinh, sinh viên		
319	Hàng Phước Thọ	24/8/1983		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Quản lý học sinh, sinh viên		
320	Trương Công Trường	29/01/1990		Kỹ sư Kỹ thuật môi trường	Quản lý học sinh, sinh viên		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
321	Bùi Văn Phương Trường	01/4/2004		Cử nhân Quản lý giáo dục	Quản lý học sinh, sinh viên		
322	Trần Phan Hà Giang		24/12/2000	Cử nhân Thương mại điện tử - Marketing trực tuyến	Truyền thông		
323	Đào Lê Gia Hân		15/7/2001	Cử nhân Quản trị công nghệ truyền thông	Truyền thông		
324	Nguyễn Thị Minh Hiếu		11/8/1987	Cử nhân ngành Quản trị nhân lực	Truyền thông	X	Bằng ĐH ngôn ngữ Anh. Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
325	Trần Thị Cẩm Huỳnh		05/8/2000	Cử nhân ngành Ngôn ngữ học	Truyền thông		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí. Người dân tộc thiểu số (+5 điểm)
326	Nguyễn Thị Ngọc Hương		20/4/1995	Cử nhân Báo chí - Các loại hình truyền thông điện tử	Truyền thông		
327	Nguyễn Đình Khoa	29/8/1995		Thạc sĩ ngành Tài chính - ngân hàng	Truyền thông		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
328	Trần Thị Cẩm Ly		31/5/2003	Cử nhân ngành Quản trị truyền thông đa phương tiện	Truyền thông		
329	Trần Thị Kim Thảo		26/02/1991	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh	Truyền thông		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
330	Huỳnh Thương Tính	07/7/1990		Cử nhân Báo chí	Truyền thông		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
331	Trần Thị Yến Vy		09/10/2000	Cử nhân ngành Đông phương học	Truyền thông		Ngành khác có kinh nghiệm từ 01 năm trở lên cùng vị trí
332	Huỳnh Quang Bảo	05/9/2000		Cử nhân Khoa học dịch vụ Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	X	Bằng tốt nghiệp học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
333	Nguyễn Hồng Hà		16/6/2004	Cử nhân Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
334	Phạm Trung Hoài	31/12/1999		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
335	Ngô Thị Hương Lan		28/01/2003	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
336	Bùi Văn Lên	29/8/2003		Kỹ sư Hệ thống thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
337	Trần Trung Nam	18/6/1987		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	X	Bằng ĐH Ngôn ngữ Anh
338	Nguyễn Thị Phương Nhi		01/6/2001	Kỹ sư Hệ thống thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
339	Chế Quỳnh Như		24/3/1990	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
340	Trần Kim Phú	06/9/2001		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
341	Lưu Nguyễn Hoàng Quân	06/7/1990		Cử nhân Khoa học máy tính	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
342	Trần Hà Sơn	24/11/2004		Cử nhân Khoa học máy tính	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
343	Nguyễn Trần Minh Trí	23/5/1994		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Vị trí dự tuyển	Miễn thi ngoại ngữ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
344	La Thành Tuấn	13/11/1988		Cử nhân Khoa học máy tính	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số		
345	Nguyễn Hồng Quang Huy	09/5/1999		Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		
346	Nguyễn Bảo Khanh		03/11/1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (+5 điểm)
347	Đoàn Thị Thanh Nguyệt		08/3/1980	Cử nhân Kế toán	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		
348	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi		15/08/1998	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		
349	Nguyễn Thị Phương Nhung		06/5/2003	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		
350	Dương Thị Ngọc Phượng		07/7/1993	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		
351	Trần Minh Quân	03/11/2003		Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		
352	Đỗ Phương Thủy		18/01/1992	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	X	Bằng tốt nghiệp học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
353	Nguyễn Thị Ngọc Tiến		25/07/1998	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		
354	Nguyễn Thoại Yến Vy		17/12/2004	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng		